

PHÚC CẢM Ơ-ĐÍP Ở TRẺ: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP MỘT TRẺ TRAI 7 TUỔI

TS. Trần Thu Hương

Th.S Hoàng Mai Anh

Khoa Tâm lý học, Trường Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn.

TÓM TẮT

Phức cảm Ơ-díp là một khái niệm căn bản trong Phân tâm học do Freud đưa ra để chỉ một hiện tượng tâm lý đặc biệt ở trẻ em từ 3 đến 6 tuổi. Thông qua việc nghiên cứu một trường hợp bé trai 7 tuổi với những biểu hiện yêu quý, gần bó chặt chẽ với mẹ, ghen ghét em gái và bố, chúng ta có thể hiểu rõ hơn về phức cảm Ơ-díp ở trẻ em nói chung và ở trẻ em Việt Nam nói riêng.

Từ khoá: Phức cảm Ơ-díp, rối nhiễu tâm lý, trẻ em.

“Phức cảm Ơ-díp” (hay còn gọi là *mặc cảm Ơ-díp*) là một trong nhiều khái niệm cơ bản do S. Freud xây dựng và đưa vào học thuyết phân tâm học của mình. Khái niệm này được manh nha nhắc đến đầu tiên trong bài báo *Nghiên cứu bệnh Hystérie* của Freud năm 1895, nhưng chỉ đến tác phẩm *Đóng góp cho khoa học tâm lý về cuộc sống tình yêu* (1910), nó mới trở thành một khái niệm chính thức trong hệ khái niệm nòng cốt của phân tâm học. Theo Freud, “phức cảm Ơ-díp” đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển tâm lý - tính dục của trẻ nhỏ. Tuy nhiên ở Việt Nam, cũng như ở các nước Đông phương khác, với những quy điều đạo đức Nho giáo đã ăn sâu trong lối sống, lối suy nghĩ, khái niệm “phức cảm Ơ-díp” còn rất “xa lạ”, không được nghiên cứu, bàn luận sâu sắc và công khai trong các nghiên cứu về sự phát triển của trẻ em. Trên thực tế, nhiều học giả Việt Nam (Phạm Minh Hạc, 1978 - 1979; Lê Khanh, 2007; Nguyễn Khắc Viện, 1999) đã tham gia tranh biện, chính thức hoặc không chính thức về khái niệm “phức cảm Ơ-díp” trong sự đối chiếu với văn hóa và đạo đức của người phương Đông. Vậy “phức cảm Ơ-díp” là gì và nó đóng vai trò như thế nào trong sự phát triển tâm lý của trẻ em?

1. Khái niệm “phức cảm Ơ-díp”

Tên “phức cảm Ô-díp” được Freud đặt theo nhân vật vua Ô-díp trong thần thoại Hy Lạp. Đó là câu chuyện về người đã vô tình giết cha và lấy mẹ mình làm vợ. Câu chuyện thần thoại về Ô-díp đã trở thành cảm hứng của nhiều tác phẩm thuộc các bộ môn nghệ thuật khác nhau như văn học, kịch, điêu khắc... Đối với Freud, ông tìm thấy trong câu chuyện bi thương này *mỗi quan hệ tam giác, mỗi quan hệ tay ba* giữa cha - mẹ - con. Nói một cách cụ thể hơn, từ hình tượng này, Freud đã xây dựng một khái niệm hết sức độc đáo để lý giải những xung đột tâm lý phức tạp trong *các giai đoạn phát triển tâm tính* dục ở trẻ, đặc biệt là trong *giai đoạn dương vật* (kéo dài từ 3 đến 6 tuổi): Phức cảm Ô-díp.

Khi nói tới sự phát triển tâm tính dục trẻ em, Freud cho rằng, có 5 giai đoạn chính: giai đoạn môi miệng (từ lúc sinh ra đến cuối năm thứ nhất), giai đoạn hậu môn (từ 1 đến 3 tuổi), giai đoạn dương vật (từ 3 đến 6 tuổi), giai đoạn ẩn tàng (từ 6 tuổi đến 12 tuổi) và giai đoạn sinh dục. Đồng thời, Freud cũng chỉ ra rằng, *năng lượng tính dục* (libido) có ngay từ khi trẻ mới sinh ra, năng lượng này không xuất hiện ở một vùng cố định mà di chuyển từ vùng nhạy cảm tính dục này đến vùng nhạy cảm tính dục khác theo từng giai đoạn phát triển.

Ở giai đoạn dương vật, năng lượng tính dục của trẻ tập trung chủ yếu ở cơ quan sinh dục ngoài, thể hiện qua những biểu hiện như: trẻ thích vuốt ve, sờ mó cơ quan sinh dục ngoài của mình. Những bé trai trong độ tuổi này, theo Freud, có sự ham muốn tính dục với mẹ, đồng thời có biểu hiện “ghen tuông” với bố. Từ khi đứa trẻ được sinh ra, người mẹ vừa đóng vai trò người nuôi dưỡng, vừa là người thỏa mãn những xung năng tính dục của trẻ thông qua việc bú mớm và những động chạm cơ thể. Vì vậy, người mẹ và bầu vú mẹ trở thành *đối tượng* đầu tiên (le premier objet) của đứa trẻ. Trong khi đó, người cha trở thành đối thủ, một trở ngại cho việc thỏa mãn những xung năng tính dục của nó. Ở đứa trẻ tồn tại đồng thời tình yêu dành cho mẹ và sự thù địch dành cho bố. Trẻ vừa ghét bố, ghen tị với bố, lại vừa sợ bố, dẫn đến hình thành “mặc cảm bị thiếu” (complexe de castration hay còn gọi là phức cảm tội lỗi). Đứa trẻ lo sợ sẽ bị bố cắt mất dương vật của mình nên phải kìm nén ham muốn tính dục đối với mẹ và cố gắng bắt chước để trở nên giống như bố. Việc cố gắng bắt chước để trở thành “giống bố”, về thái độ và hành vi của một người đàn ông, được gọi là quá trình *đồng nhất hóa* mang tính cạnh tranh. Quá trình đồng nhất hóa này có tác dụng tăng cường và củng cố *cái Siêu tôi* của trẻ và dần hình thành nhân cách cho chúng. Đây là cách mà trẻ hóa giải phức cảm Ô-díp thường có ở tất cả mọi người trong thời thơ ấu. Như Freud đã nhắc đến trong bức thư gửi Wilhelm Fliess (15/10/1897): “*Tôi tìm thấy ở mình tình cảm yêu thương dành cho mẹ và sự ghen tị đối với bố, những tình cảm mà tôi nghĩ có ở tất cả trẻ nhỏ*”. Nhưng những tình cảm *có ở tất cả trẻ nhỏ* này, liệu có ở trẻ em Việt Nam hay “*chỉ có trong một xã hội nào đó, như các xã hội phương Tây chẳng hạn*”⁽¹⁾?

Đến đây, chúng tôi xin mượn lời cố bác sỹ Nguyễn Khắc Viện (trích trong Stafford-Clark, 1998, tr. 29 - 30): “Ở Việt Nam có hay không có mặc cảm Oedipe? Không thể chỉ tranh luận về quan điểm là đã có thể trả lời câu hỏi ấy, mà phải quan sát, điều tra có hệ thống [...] Đây là một đề tài tâm lý học của ta cần được nghiên cứu trong cuộc sống bình thường, cũng như trong những trường hợp bệnh lý”

Bắt nguồn từ ý kiến trên, chúng tôi đã tiến hành tìm hiểu việc có hay không có, tồn tại hay không tồn tại “phức cảm O-díp” ở trẻ em Việt Nam thông qua việc phân tích trường hợp một bé trai 7 tuổi. Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu lâm sàng đặc trưng như: hỏi chuyện lâm sàng, phân tích tranh vẽ và phương pháp phóng chiếu CAT. Tuy nhiên, trong phạm vi bài báo này, chúng tôi chỉ phân tích kết quả hỏi chuyện lâm sàng và tranh vẽ.

2. Nghiên cứu trường hợp

2.1. Tiểu sử và hoàn cảnh gia đình:

K. là một cậu bé 7 tuổi, hiện đang học lớp 2. Trong suốt thời gian học lớp 1, K. thường bị các bạn bắt nạt nên bố mẹ đã quyết định cho K. chuyển trường. Theo bố mẹ, K. rất kém tập trung và gặp khó khăn trong việc điều khiển cảm xúc. Vì vậy, bố mẹ K. đã đề nghị cán bộ tâm lý học đường can thiệp, giúp đỡ K. trước khi bắt đầu năm học lớp 2 ở trường mới.

Gia đình K. có 4 người: bố, mẹ, K. và em gái 2 tuổi.

Mẹ của K. mang thai lần đầu năm 28 tuổi, đó là một thai đôi hai bé trai. Vì sức khỏe yếu nên người mẹ đã xin nghỉ việc để dưỡng thai từ thời gian đầu của thai kỳ. Đến đầu tháng thứ 9, do một trong hai bào thai có dấu hiệu bị ngạt, nên người mẹ được mổ cấp cứu để lấy cả hai bé sơ sinh. Tuy nhiên, sau khi mổ xong, chỉ còn một bé sống sót, đó là K.

Sau ca sinh nở, người mẹ không gặp vấn đề gì về sức khỏe nhưng rất đau khổ vì cái chết của đứa trẻ sinh đôi. Tuy nhiên, việc chăm sóc con bận bịu giúp cho người mẹ nguôi dần và trở lại trạng thái bình thường.

Trong năm đầu tiên, K. phát triển bình thường, ăn ngủ tốt nhưng rất bám mẹ. Khi K. được 6 tháng, mẹ đi làm trở lại, K. hàng ngày được gửi tới nhà bà ngoại và tối được mẹ đón về. Đến năm 2 tuổi, K. bám mẹ nhiều hơn. Trẻ khóc ngày càng dữ dội và bám chặt vào mẹ mỗi khi mẹ chuẩn bị đi làm. Những lúc không nhìn thấy mẹ, trẻ la hét gọi mẹ cho đến khi mẹ xuất hiện. Những lúc như vậy, người bố rất tức giận, đã mắng và vài lần đánh con. Ban đầu K. khóc, nhưng sau đó không dám khóc nữa vì sợ bố.

Trong khoảng thời gian từ 2 đến 3 tuổi, trẻ rất dễ tức giận hay lo lắng

khi không được chiều theo ý muốn. Khi đó, trẻ hay hét lên và ném hoặc phá đồ đạc. Trẻ sợ rất nhiều thứ như: tiếng động mạnh (kể cả những âm thanh bình thường như tiếng còi xe, tiếng xe máy, tiếng người nói to...), sợ người lạ (trẻ chỉ theo mẹ). Mỗi lần nghe thấy tiếng động lớn, trẻ ngay lập tức khóc thét, đôi khi ném đồ đạc xung quanh.

Khi K. được 3 tuổi, bố mẹ quyết định đưa K. đi học mẫu giáo. K. khóc dữ dội vào mỗi buổi sáng đến trường, trong suốt một năm rưỡi. Cũng trong năm này, K. thường xuyên bị ốm, chủ yếu là bị viêm họng và viêm phế quản. Một lần, K. bị cam lợi. Đầu tiên, trẻ được đưa đến bệnh viện và cho uống thuốc nhưng không khỏi. Sau đó, bố mẹ trẻ đưa đến chữa tại hiệu thuốc cam Hàng Bạc trong suốt 40 ngày. Sau lần đó, K. rất sợ phải đi chữa bệnh và mỗi lần đi qua phố Hàng Bạc, trẻ đều co rúm người lại.

Trong lớp mẫu giáo, trẻ không tập trung nghe lời cô giáo, không thích chơi với các bạn khác mà thường chơi một mình ở góc lớp. Đến khi 5 tuổi, do bố mẹ quá lo lắng trước hiện tượng này của con nên K. được đưa đến một trung tâm tâm lý và được chẩn đoán là tự kỷ. Trẻ được chỉ định điều trị 6 tháng. Khi đó, mẹ K. đang có bầu 2 tháng.

Khi biết mẹ có em bé, ban đầu, K. rất vui mừng. K. thường hay nói chuyện với mẹ về em bé. Một lần được đi chơi, K. còn mua quà về cho em bé. Khi em gái ra đời, K. nói rằng rất yêu em. Tuy nhiên, khi em gái dần lớn, bắt đầu biết chơi đồ chơi thì K. thường giận và mắng em vì em tranh đồ chơi của mình và vì khi đi ngủ, mẹ hay nằm cạnh em gái.

Bố của K. làm việc tại một công ty du lịch nên thường vắng nhà. Vì vậy, mẹ của K. giữ vai trò chính trong việc chăm sóc hai con. Khi bố vắng nhà, ba mẹ con hay ngủ chung. K. thường chen vào nằm giữa mẹ và em gái và giải thích rằng, trẻ không muốn mẹ nằm cạnh em mà chỉ nằm cạnh trẻ mà thôi.

K. đi học tiểu học năm 6 tuổi. Theo nhận xét của cô giáo, K. học khá nhưng gặp nhiều khó khăn trong quan hệ với bạn bè. Trong suốt năm học lớp 1, K. thường xuyên bị các bạn trêu chọc, giấu hoặc vứt đồ dùng học tập. Có lần K. bị bạn đánh chảy máu. Bố mẹ trẻ đã đến trường để nói chuyện với cô giáo và các bạn nhưng tình hình vẫn không thay đổi. Vì vậy, sau khi học xong năm lớp 1, bố mẹ K. quyết định chuyển K. sang học ở một trường khác với hi vọng ở một môi trường mới với những người bạn mới, cô giáo mới, trẻ có thể bắt đầu lại tốt hơn dưới sự trợ giúp của cán bộ tâm lý học đường.

Qua những thông tin về hoàn cảnh gia đình và tiểu sử của K., chúng tôi nhận thấy:

Bắt đầu từ khi K. 2 tuổi, những biểu hiện bám dính mẹ của K. ngày càng nhiều và mãnh liệt. Người bố đã thể hiện *quyền uy* của mình bằng cách mắng và đôi khi đánh con. Trước *quyền uy* của bố, trẻ buộc phải kìm nén mong muốn

được ở gần mẹ, tuy nhiên, ham muốn ở gần mẹ, kết dính với mẹ bộc lộ ra ngày càng gay gắt trong khoảng thời gian trẻ 2 tuổi rưỡi đến 3 tuổi. Trẻ khóc, hét và ném phá đồ vật nhằm thu hút sự chú ý của mẹ. Mỗi khi trẻ khóc, mẹ lại đến bên và dỗ dành; ham muốn mẹ của trẻ lại được thỏa mãn. Trẻ ham muốn mẹ, mong ở cạnh mẹ, không muốn chia sẻ mẹ với em gái, nhưng đồng thời lại sợ bố, sợ uy quyền của bố (bởi mẹ thuộc về bố). Chúng tôi cho rằng, đây là những biểu hiện khởi đầu đặc trưng cho phức cảm Ô-díp ở trẻ.

2.2. Tiến trình thực hiện ca

Buổi làm việc đầu tiên

Trong buổi làm việc đầu tiên, K. được bố đưa đến gặp nhà tâm lý. K. thể hiện là một đứa trẻ thân thiện, cởi mở. Trẻ nói rất nhiều, đặc biệt thích nói về ô-tô. K. biết nhiều loại ô-tô và các hãng taxi khác nhau. Khi chúng tôi đề nghị K. vẽ tranh một cái cây, K. liền đồng ý:

Đầu tiên, K. vẽ một cái cây, một con cừu và một con sói. Sau đó, K. vẽ thêm một bãi đất, một cái bóng nằm giữa con cừu và con sói. Cậu bé dùng màu xanh lá cây để tô khoảng đất. Cuối cùng, K. vẽ ông mặt trời ở trên và bắt đầu giải thích từng chi tiết của bức tranh. Câu chuyện mà K. kể về bức tranh vẽ cụ thể như sau: “*Cháu vẽ một cây đào. Nó được 6 tuổi rồi. Nó rất yếu ớt và cần được con cừu bảo vệ. Một trăm năm sau, con sói sẽ tới chặt cây đào. Con sói rất là độc ác. Chính vì thế, con cừu phải bảo vệ cây đào. Còn cái bóng, nó là cái bóng của con cừu, chống lại con sói, không cho con sói chặt cây đào. Con cừu đã làm một hàng rào bao quanh cái cây để ngăn không cho con sói tới gần cây đào. Với lại, con cừu phải khóa hàng rào lại bằng một chiếc chìa khóa để cho con sói không thể tiến gần tới cây đào. Cuối cùng, con cừu bắt được con sói. Nó lấy ô-tô chở con sói về nhà tù Hỏa Lò. Và thế là, con sói không thể chặt cây đào được nữa. Thế là hết chuyện!*”

Khi quan sát hình vẽ, chúng tôi thấy rằng, cây đào được vẽ rất nhỏ so với khuôn khổ của tờ giấy vẽ. Điều này biểu đạt đây là một đứa trẻ nhút nhát, hướng nội. Hơn nữa, vị trí của cây đào nằm phía dưới, bên trái tờ giấy càng củng cố thêm tính nhút nhát, sự bám dính với mẹ và tính hướng nội ở trẻ.

Sau khi vẽ cây đào, K. tập trung vào câu chuyện diễn ra giữa con cừu và con sói. Về mặt ý nghĩa, con cừu tượng trưng cho tình yêu và sự hạnh phúc. Đây là biểu tượng của người mẹ. Ngược lại, con sói đại diện cho sự hung dữ, nơi kết tụ mọi sự sợ hãi. Nói một cách cụ thể, nó là hiện thân của sự già yếu, sự xâm lấn, sự mất mát những người thân thương đối với trẻ, nỗi lo sợ bị chia tách với bố mẹ, sự lo sợ người lạ có liên quan đến khả năng đạt được tính tự chủ, sợ bóng tối và sự bất an. Ở trẻ trai, hình tượng con sói được vẽ cho thấy, nỗi lo hãi tính dục, tức là nỗi lo sợ bị thiến. Con vật hung dữ này là biểu tượng của người

bố hung bạo. Do vậy, qua bức vẽ của K., chúng tôi đặt ra một giả định rằng: liệu có phải đứa trẻ này đã chuyển di sự hung dữ của bố vào sự độc ác của con sói hay không?

Theo chúng tôi, K. đã tự đồng nhất mình với cây đào 6 năm tuổi, vốn rất yếu ớt và cần sự bảo vệ, chăm sóc của người khác. Người mẹ được đồng nhất với con cừu, dịu dàng, luôn bảo vệ cho cây đào - đứa trẻ. Và người bố được gán cho hình ảnh của con sói với sự lo sợ bị thiến. Hành vi chặt cây đào được diễn giải như một hành vi “thiến, cắt đứt”.

Một chi tiết quan trọng cần được nhắc đến khi xem xét bức tranh của K., đó là cái bóng của con cừu. Thông thường, cái bóng tượng trưng cho ham muốn mà người bố trao cho đứa trẻ. Nhưng trong trường hợp này, cái bóng của con cừu lại thể hiện một sự đối vai trò giữa bố và mẹ. Và do đó, cái bóng được xem như một sự thúc đẩy không thể kìm nén của con cừu trong việc chống lại con sói. Cây đào “sợ” bị con sói chặt mất nên nó cần được con cừu và cái bóng của cừu bảo vệ với nhiều biện pháp phòng vệ: dựng hàng rào, đóng hàng rào bằng chìa khóa, bắt con sói và nhốt nó vào tù. Thông qua những chi tiết như trên, chúng tôi cho rằng, tồn tại một xung đột O-đip giữa trẻ - mẹ - bố. Trong xung đột này, đứa trẻ cảm thấy sợ hãi uy quyền của bố, sợ bị bố “cắt”. Bởi lý do đó, người mẹ đã xuất hiện giữa đứa trẻ và người bố để bảo vệ nó trước sự đe dọa của người bố. Có thể nói, ở đây, chúng tôi nhận thấy những biểu hiện của nỗi lo sợ thiến và cơ chế đồng nhất hóa ở đứa trẻ này.

Buổi làm việc thứ hai

Tại buổi làm việc này, chúng tôi tiến hành trò chuyện với trẻ về chủ đề gia đình. K. đã bắt đầu bằng việc nói về gia đình mình. “Cháu rất yêu bố, yêu mẹ. Nhưng mà em gái cháu hung dữ nhất trong nhà. Nó cứ giành mẹ với cháu. Nó làm cháu đau. Nó bị điên bởi vì nó chẳng biết là anh nó dành cho nó nhiều tình cảm đến thế. Cháu chẳng bao giờ yêu nó cả. Mỗi lần cháu đến gần mẹ là nó đẩy cháu ra. Nó ích kỷ lắm. Nó bắt cháu làm những gì nó thích. Bố mẹ cháu quan tâm đến nó nhiều hơn cháu. Nó ích kỷ ơ là ích kỷ. Cháu ghét nó lắm. Cháu sợ nó. Nó độc ác lắm, chỉ thích đuổi đánh người khác. Cháu chỉ muốn ở cạnh mẹ cháu thôi mà. Cháu không muốn em gái cháu ở cạnh mẹ cháu. Cháu sẽ tống cổ nó đi, cháu sẽ bảo nó là “mày ích kỷ nhất nhà. Mày là phù thủy độc ác”. Cháu sẽ đâm cho nó chết. Cháu nói đùa đấy. Cháu sẽ đốt hết, phá hết, sẽ ném bom khắp nơi. Khi mẹ cháu ngủ, cháu sẽ lấy cần cẩu để cẩu em gái cháu đến một nhà khác.

Mẹ cháu, mẹ yêu cháu lắm vì cháu chẳng bao giờ gây phiền phức cho người khác. Mẹ cháu dịu dàng hơn em gái cháu. Cháu thích vẽ một bông hoa hồng để tặng mẹ. Cháu không muốn người khác làm cháu buồn. Người khác tức là em gái cháu và em họ cháu.

Cháu thích ngủ với mẹ. Cháu thích ôm mẹ, thích đi dạo với mẹ. Mẹ yêu cháu nhiều lắm vì cháu là con duy nhất của mẹ khi cháu được sinh ra mà. Cháu hay bị mất đồ dùng học tập, nên mọi người phải yêu cháu nhiều hơn. Mẹ cháu ngày nào cũng nấu tất cả những món ăn mà cháu thích. Cháu yêu mẹ nhiều lắm. Mẹ cháu chẳng bao giờ đánh mắng cháu, mẹ không hung dữ, chẳng bao giờ quát cháu, chẳng bao giờ đánh cháu. Mẹ cháu chiều em gái cháu lắm, nên là nó độc ác lắm. Mẹ cháu không nên chiều nó như thế. Mẹ lúc nào cũng “bế” nó mà chẳng bế cháu. Em gái cháu được nuông chiều hay bắt nạt cháu và vẽ lên tường vì nó nghĩ là mẹ cho phép nó vẽ. Mẹ cháu không nên mua nhiều đồ chơi cho nó. Khi nó quấy, mẹ không nên bế nó.

Bố cháu cũng yêu cháu, bố thường hay chơi với cháu”

Trong câu chuyện kể về gia đình, cậu bé K. xem em gái như một “chương ngại vật” giữa cậu bé và mẹ. Vì thế, K. không thích em gái mình. Người mẹ trong trường hợp này trở thành *đối tượng yêu thương* của đứa trẻ. Khi K. nói rằng, bố mẹ quan tâm đến em gái nhiều hơn, rằng K. sẽ giết chết em gái, sẽ mang em đến một nhà khác khi mẹ ngủ, cậu bé thể hiện cho chúng tôi thấy một sự ganh đua hết sức mạnh mẽ với em gái. Chúng tôi tự hỏi liệu sự ganh đua này có phải là nguyên nhân gây ra nỗi lo sợ mất *đối tượng yêu thương*, sợ bị chia tách với mẹ ở đứa trẻ này hay không? Trên thực tế, về mặt vô thức, K. muốn làm em gái biến mất vì cô bé đã độc chiếm vị trí quan trọng bên cạnh mẹ của cậu. Cậu bé cho rằng, vị trí này vốn thuộc về cậu và phải luôn thuộc về cậu. Trước khi em gái ra đời, K. là *con độc nhất* của mẹ, được xem là “hoàng tử nhỏ” của mẹ. Vậy mà đột nhiên, em gái xuất hiện và dần dần lấy mất vai trò “hoàng tử nhỏ” của cậu. Do đó, có thể khẳng định, sự ganh đua của K. đối với em gái chính là kết quả của quá trình ái kỷ ở “hoàng tử nhỏ” này.

Trong buổi làm việc này, trẻ cũng đề nghị được vẽ tranh về em gái và em họ của mình bằng bút chì và không tô màu. Vừa vẽ trẻ vừa kể chuyện.

Trẻ nói: “*Con không tô màu. Người nào xấu tính thì không nên tô màu*”. Sau đó, trẻ gạch chẳng chịt lên hình em họ, vẽ mặt mũi cho 2 hình người. “*Em méo máo, thẳng này thì cười*”. Trẻ viết chữ minh họa lời nói của từng người. Em họ nói là “*Hế! Bùm!*”. “Hế” là tên thân mật của trẻ ở nhà. Em họ hay gọi trêu. Còn em gái thì nói “*Anh đi đi*”. Sau đó, K. lấy bút màu tím gạch chéo 2 hình người. “*Con sẽ gạch chéo 2 người này chết luôn. Con sẽ biến người đó thành người tốt bụng không trêu chọc mọi người*”.

Một lần nữa, qua bức tranh của trẻ, mâu thuẫn với em gái lại được bộc lộ rõ ràng. Với K., mẹ là người gần gũi nhất, hiền dịu nhất và yêu trẻ nhất. Trẻ luôn luôn muốn là người duy nhất được ở gần mẹ và mẹ chỉ yêu một mình trẻ. “*Mẹ rất thương con vì khi con sinh ra con là đứa con duy nhất*” Vì vậy, trẻ coi

tất cả mọi người xung quanh như *đôi thủ*. Và trẻ bộc lộ rõ mong muốn được *độc chiếm* mẹ.

Chúng tôi nhận thấy ở trẻ có *cơ chế hợp lý hóa*. Có vẻ như K. là một cậu bé rất biết lập luận, rất logic khi đưa ra những lý giải như:

- Em gái và em họ của trẻ rất độc ác như “phù thủy”. Chúng thường xuyên bắt nạt và trêu chọc K.

- Bố mẹ quá nuông chiều cô em gái, vì thế, em mới trở nên xấu xa và suốt ngày bắt người khác làm theo ý mình. Ngoài ra, em gái cũng rất ích kỷ vì em không cho phép người khác lại gần mẹ.

- Còn K., là một người anh tốt luôn luôn yêu thương em gái. Nhưng trẻ lại quá yếu nên đã trở thành nạn nhân bị trêu chọc của cả em gái, em họ và cả bạn học. Bởi vậy, trẻ rất xứng đáng và cần được yêu thương, chăm sóc, được người khác quan tâm, nhất là mẹ.

Đó là những lý giải cho việc tại sao trẻ lại ghét em gái, tại sao bố mẹ không nên chiều em và tại sao mẹ chỉ nên yêu một mình trẻ. Nhưng những lý giải tưởng chừng như hợp lý này chỉ nhằm để ngụy trang, để che giấu cho sự ghen tị với em gái và mong muốn độc chiếm mẹ của cậu bé này.

Trong câu chuyện kể về gia đình, trẻ không kể nhiều về bố. Ngay cả khi trẻ nói rằng: “*Bố yêu con, bố hay chơi trò chơi với con*”, chúng ta cũng nhận thấy đây cũng là một sự *hợp lý hóa* để không bị đánh giá, để thể hiện mình là người con ngoan yêu thương bố mẹ. Bởi bên cạnh những lời kể về mẹ và em gái, trẻ chỉ dành một câu để nói về bố. Điều này cho thấy khoảng cách giữa hai bố con.

Buổi làm việc thứ 7

Trong buổi làm việc này, trẻ vẽ một bức tranh tự do về ước mơ của mình. Trẻ mơ ước được trở thành tài xế lái xe taxi và sống trong một tòa nhà chung cư.

Đầu tiên, trẻ vẽ một cái cây và một tòa nhà chung cư. Sau đó trẻ vẽ một cái ô tô taxi. Cuối cùng trẻ vẽ gia đình mình theo thứ tự: bố, mẹ, em gái và bản thân trẻ - người đeo một chiếc cà vạt xanh đứng bên phải xe taxi. Nhưng sau đó, trẻ dùng bút chì gạch chằng chịt lên hình vẽ gia đình mình.

Các nhân vật trong hình vẽ được chia ra làm hai bởi chiếc xe taxi: một bên là K. đứng một mình trong một góc nhỏ giữa tòa nhà và chiếc xe taxi; một bên là bố, mẹ và em gái của cậu bé. Như vậy, có thể nói rằng, ở bé trai này, chúng tôi thấy tồn tại một dạng xung đột mang tính xung năng có tính chất thúc đẩy cậu bé tự cô lập mình với các thành viên còn lại trong gia đình. Nói một cách khác, cậu bé biểu đạt một cách rõ ràng xung năng phóng chiếu vô

thức trong đầu óc mình. K. cảm thấy một nỗi lo hãi bị chia tách với gia đình, nỗi lo hãi bị bỏ rơi được thể hiện ra bằng một cảm giác bị cô lập, một sự cắt đứt mối quan hệ gia đình.

Hơn nữa, cậu bé đã đặt những người thân của mình, đặc biệt là em gái, ngay trước đầu xe taxi: một tình huống hết sức nguy hiểm. Việc cậu dùng bút chì gạch xóa lên khuôn hình gia đình cho thấy ý muốn chối bỏ hiện thực gia đình, một huyền tượng siêu thực; đồng thời, thể hiện một huyền tượng ái kỷ, nguyên nhân của sự ganh đua, sự thù địch đối với em gái của K.

Qua bức tranh, trẻ thể hiện ước mơ trở thành tài xế lái taxi. Ước mơ này không chỉ thể hiện qua tranh vẽ mà còn ở việc trẻ rất hứng thú nói chuyện về xe taxi, kể và so sánh các hãng xe taxi... Công việc của người lái xe chở khách nói chung và lái xe taxi nói riêng là đón và trả hành khách từ địa điểm này đến địa điểm khác. Xét trên khía cạnh này, công việc lái xe taxi có điểm tương đồng với công việc du lịch - công việc của người bố. Liệu chăng, một cách vô thức, K. đã đồng nhất hóa với bố, mong muốn được làm công việc giống như bố?

Qua phân tích những bức tranh, chúng tôi nhận thấy có những điểm chung sau:

Trẻ vẽ những hình, những chi tiết như hình người, hình ô tô rất bé trong tương quan so sánh với khổ rộng tờ giấy; điều này thể hiện sự nhút nhát và xu hướng khép kín, hướng nội.

- Trẻ không dùng nhiều màu. Mỗi bức tranh, trẻ chỉ sử dụng tối đa là 2 - 3 màu như xanh lá cây, nâu. Đó là những màu lạnh tượng trưng cho xu hướng khép kín và hướng nội. Việc chỉ sử dụng 2 đến 3 màu trong một bức tranh cho thấy sự thu mình, kém ổn định cảm xúc và khó thích nghi.

Trong tất cả các bức tranh của trẻ, trẻ luôn chừa một khoảng trắng ở bên dưới bức tranh. Khi bắt đầu vẽ một bức tranh, việc đầu tiên trẻ làm luôn là dùng bút chì vạch một đường thẳng phía dưới tờ giấy để chừa lại một khoảng trống ở dưới cùng. Khoảng trống này biểu hiện cho những mong muốn, những mâu thuẫn, những lo sợ và cái Nó mà trẻ muốn che giấu.

- Khi vẽ, trẻ thường hay tẩy xóa hoặc gạch chằng chịt lên hình người. Đó là biểu hiện cho mong muốn phủ nhận, chối từ hoặc không muốn đối diện với một số người, một số tình huống nhất định.

Quan sát giờ tan học

Nghiên cứu được thực hiện trong phạm vi trường học, vì vậy, chúng tôi đã tiến hành quan sát vào giờ tan học chiều, khi người mẹ đến đón con ở trường. Trong gia đình, người mẹ giữ vai trò chính trong việc dạy dỗ và chăm sóc các con. Vào mỗi buổi chiều, người mẹ thường đón hai con (con lớn, K., học tiểu học và con thứ hai đang học mẫu giáo). Trước khi mẹ đến đón, K.

thường hỏi liên tục: “*Mẹ con đã đến chưa?*” nhiều lần. Đôi khi, trẻ tỏ vẻ khó chịu và nói: “*Chắc là mẹ con đến đón em trước rồi? Ôi, sao mẹ lại làm thế chứ?*”. Thông thường người mẹ đến đón K. trước (vì trường tiểu học tan trước lớp mẫu giáo).

Sau khi tan học, thông thường học sinh chơi dưới sân trường và chờ cha mẹ đến đón. Còn K. thường xuyên đứng ở hành lang một mình, bám vào lan can, nhìn xuống cổng trường, chờ mẹ đến đón. Mỗi khi thấy mẹ xuất hiện ở cổng, trẻ reo lên vui mừng: “*A, mẹ đến rồi!*”. Khi gặp lại mẹ, K. vui mừng ra mặt và chạy đến ôm chầm lấy mẹ. Có vài lần, K. nghịch những họa tiết dính trên ngực áo của mẹ.

Trẻ tỏ vẻ khó chịu khi mẹ đứng trao đổi với cô giáo chủ nhiệm hay nhà tâm lý mà không hỏi han đến trẻ. Khi đó, trẻ thường lấy vở để khoe điểm cao để thu hút sự chú ý của mẹ. Dường như trẻ là một người hoàn toàn khác khi gặp lại mẹ. Suốt một ngày ở trường, trẻ thường tỏ vẻ buồn bã, chơi một mình và nằm dài trên sàn lớp vào giờ ra chơi. Trong giờ học, K. thường không tập trung mà hay nằm bò lên bàn học. Nhưng khi gặp lại mẹ, trẻ trở nên hoạt bát, vui tươi và cười vui vẻ với mẹ.

Có hai lần “*lich trình*” của người mẹ thay đổi. Chị đón con gái trước rồi quay lại đón con trai. Khi nhìn thấy em gái và nhận ra sự thay đổi, trẻ hét to: “*Tại sao mẹ lại đón em trước con?*”. Sau đó trẻ lại gần em gái, bấu má em và giải thích ngay lập tức: “*Em là lười trên con trước*”

Lần khác, khi người mẹ nán lại trường để hai anh em chơi ở sân trường. Ban đầu, K. và em gái chơi xích đu. Sau đó, em gái K. bỏ sang chơi cầu trượt, khi bé quay lại thì không còn chỗ trống nữa. Em gái K. hét lên đòi chỗ để tiếp tục chơi xích đu. Người mẹ liền chạy lại đỡ dành và đề nghị con gái mình chờ cho đến lượt. Sau đó, K. liền nhường chỗ của mình cho em gái, chạy lại ôm lấy mẹ và khoe: “*Mẹ ơi, con vừa nhường cho em chơi đấy, con thật là tốt bụng, mẹ nhỉ?*”

Qua những quan sát này, chúng tôi nhận thấy rõ hơn tình yêu và sự gắn bó của K. với mẹ. Dường như trẻ đã phải đợi cả một ngày dài để được gặp lại mẹ. Khi thời điểm đó đến, K. rất vui vẻ, hạnh phúc như một chàng trai gặp lại người yêu. Ở trẻ, ta thấy luôn luôn xuất hiện mong muốn độc chiếm mẹ. Dường như khoảng thời gian từ lúc mẹ đến đón ở trường cho đến lúc đến lớp mẫu giáo đón em là khoảng thời gian chỉ có hai mẹ con ở bên nhau. Do vậy, trẻ cảm thấy khó chịu và không thích người khác xen vào khoảng thời gian trẻ ở bên mẹ như cô giáo, nhà tâm lý và đặc biệt là em gái. Bởi đó, chúng ta có thể hiểu được vì sao trẻ luôn muốn được mẹ đón trước để có thể ở bên mẹ một mình và cũng để có thể ở bên cạnh mẹ nhiều hơn em gái.

Trẻ không thích em gái vì em gái thường chen giữa, ngăn trở trẻ lại gần mẹ. Ngay cả khi trẻ thể hiện như một người anh tốt, nhưng hành động của trẻ (nhường chỗ cho em) cũng là nhằm mục đích gây chú ý như một người anh tốt, một người con ngoan trong mắt mẹ.

2.3. Tổng hợp và kết luận

Qua những buổi hỏi chuyện và quan sát lâm sàng, phân tích tranh vẽ, chúng tôi đã thu thập được những thông tin, những sự kiện để có thể trả lời câu hỏi nghiên cứu đặt ra, đó là tìm ra một trường hợp có biểu hiện *phức cảm O-đíp* ở Việt Nam. Trong nghiên cứu này, chúng tôi nhận thấy rất rõ rệt tình yêu với mẹ và sự thù địch với bố, những nỗi lo sợ, những cơ chế phòng vệ để có thể đưa ra kết luận cuối cùng.

Thứ nhất, K. thể hiện rõ rệt tình yêu với mẹ. Với trẻ, mẹ là người dịu dàng nhất, thân thuộc nhất và tuyệt vời nhất. Người mẹ cũng là người yêu thương trẻ nhất. Trẻ bộc lộ mong muốn, khát khao độc chiếm mẹ. Trẻ muốn rằng, người mẹ chỉ yêu một mình trẻ và chỉ có trẻ là người duy nhất được quyền ở cạnh mẹ. Tình cảm yêu thương với mẹ có những nét thể hiện ham muốn tính dục trẻ thơ khi trẻ muốn ngủ cùng mẹ (buổi làm việc thứ hai), thích ôm mẹ và muốn chạm vào ngực mẹ (quan sát giờ tan học)... Những hành động này nhằm giải tỏa những xung năng tính dục của trẻ. Như chúng tôi đã phân tích, khi gặp lại mẹ sau một ngày ở trường, trẻ trở thành một người hoạt bát và sống động khác hẳn. Dường như trẻ đã dồn toàn bộ xung năng của mình vào vật yêu thương là người mẹ.

Thứ hai, K. bộc lộ sự thù địch, căm ghét không chỉ với bố mà với cả em gái. Trẻ coi tất cả những người xung quanh mẹ như kẻ thù địch. Trong hoàn cảnh bố thường xuyên vắng nhà, trẻ không thường xuyên phải đối diện với bố và tạo điều kiện cho trẻ *chiếm dụng* mẹ nhiều hơn. Vì vậy, trẻ *chuyển di* sự ghen ghét đó sang em gái. Trẻ ghét em gái vì đã cản trở trẻ gần gũi với mẹ. Và trẻ không giấu giếm được mong muốn em - như một cái gai trong mắt chết đi hoặc biến mất.

Thứ ba, ở trẻ, có nhiều nỗi lo sợ hiển hiện mà trong đó rõ ràng nhất là nỗi lo sợ bị thiên và nỗi lo sợ bị chia cắt với mẹ. Chúng ta có thể nhận thấy nỗi lo sợ này qua bức tranh cây đào yếu ớt sợ bị con sói chặt mất.

Nói tóm lại, để phân tích trường hợp của cậu bé K., chúng ta cần xem xét kỹ lưỡng hoàn cảnh sống của trẻ. Sự thiếu vắng thường xuyên của bố trong gia đình cho phép đứa trẻ phát triển và duy trì *phức cảm O-đíp*, được thể hiện dưới dạng các ham muốn: ham muốn tính dục đối với mẹ và ham muốn mất bố (được chuyển di sang em gái). Thông thường, đứa trẻ bước vào năm thứ 6 - giai đoạn ẩn tàng với những xung năng tính dục tương đối yên ả và thanh bình (Freud S., 1905). Ham muốn tính dục ở giai đoạn trước - giai đoạn dương vật -

bị lãng quên, mọi xung năng khoái cảm được biến đổi trong những hành động, hoạt động có thể chấp nhận được như hoạt động học tập, hoạt động chơi... Điều quan trọng là trẻ cần vượt qua sự suy giảm phức cảm Ô-díp trước khi bước vào giai đoạn ẩn tàng. Tuy nhiên, ở K., chúng ta vẫn tìm thấy những biểu hiện rõ ràng và mạnh mẽ của phức cảm Ô-díp: đứa trẻ này rất gắn bó với mẹ, ham muốn độc chiếm mẹ và thù địch với những "kẻ thù" của nó (bố, em gái).

Như vậy, thông qua nghiên cứu trường hợp cậu bé K., chúng tôi muốn khẳng định sự tồn tại của phức cảm Ô-díp ở một bộ phận trẻ em Việt Nam cho dù nhiều nhà khoa học đã phủ định và cho rằng, phức cảm Ô-díp chỉ tồn tại ở những nền văn hóa phương Tây. Trên thực tế, chúng ta cần phải hiểu một cách chính xác hơn khái niệm này của Freud. Phức cảm Ô-díp, theo Berger F.F. (2005), không phải là "*một sự lãng mạn đạo đức, cũng không phải là sự lãng mạn quan niệm về trẻ em*"⁽²⁾, mà đó là một hiện tượng hết sức bình thường giống như một nấc thang của quá trình phát triển mà bất kỳ đứa trẻ nào cũng phải trải qua. Và trên thực tế, ở Việt Nam, có thể dễ dàng tìm được những cậu bé từ 3 - 6 tuổi thổ lộ niềm mơ ước lớn lên sẽ lấy mẹ làm vợ. Hiểu biết đúng đắn về phức cảm Oedipe sẽ giúp các bậc cha mẹ tìm được các ứng xử phù hợp trong những tình huống như thế này.

Chú thích

1. Đặng Phương Kiệt, Văn Thị Kim Cúc, *Một ca bị ám sợ do phức cảm Oedipe chưa được giải tỏa thời thơ ấu*, <http://www.tamlynganpho.com/?p=3044>
2. Berger F. F. (2005), Lời mở đầu cuốn *Ba tiểu luận về lý thuyết tính dục* (sách dịch), Hà Nội, NXB Thế giới, 2006, tr. 16.

Tài liệu tham khảo

1. Bergeret J., *La personnalité normale et pathologique*, Dunod, Paris, 1996.
2. Freud S., *Ba tiểu luận về thuyết tính dục*, do Nguyễn Hạc Đạm Thư dịch, NXB Thế Giới, 2006.
3. Lê Khanh, *Khám phá trẻ em qua nét vẽ*, NXB Phụ nữ, thành phố Hồ Chí Minh, 2007.
4. Nguyễn Khắc Viện, *Tâm lý lâm sàng trẻ em Việt Nam*, NXB Y học và Trung tâm N - T, Hà Nội, 1999.
5. Phạm Minh Hạc, *Tuyển tập Tâm lý học*, NXB Chính trị Quốc gia, 2005.
6. Stafford Clark, *Freud đã thực sự nói gì?*, dịch bởi Lê Văn Luyện và Huyền Giang, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 1998.
7. Trần Thị Minh Đức, *Nhận biết tâm lý trẻ em qua tranh vẽ*, Tổ chức Plan ở Việt Nam, NXB Khoa học kỹ thuật, Hà Nội, 2009.